

TRƯỜNG ĐH KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP
TRUNG TÂM THỰC NGHIỆM

Môn học: **WSH401**

Thực tập chuyên ngành

BẢNG ĐIỂM THỰC TẬP
TRUNG TÂM THỰC NGHIỆM

Học Kỳ I năm học 2014 - 2015

STT	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Tiện	Phay	CNC	Mài	Sửa chữa	Nguội	Hàn	Trung Bình	Xét	Ghi chú
1	11110710388	Lưu Văn	An	26/03/89	7	5		6	3	7	8	5.1	Thiếu Ban	
2	11110710305	Trần Kế	Ân	21/07/89	8	8	6	4		6	6	5.4	Thiếu Ban	
3	11110710609	Bùi Bảo	Anh	27/08/89		6	6	6	4	6	6	4.9	Thiếu Ban	
4	DTK0851060119	Đỗ Thế	Anh	13/07/89	7		7	8	4	6	5	5.3	Thiếu Ban	
5	DTK1051010876	Lê Tuấn	Anh	6/26/1991	8	8	7		5		7	5.0	Thiếu Ban	
6	11110710392	Vũ Văn	Biển	10/1/1989	8	6		7	4	6	8	5.6	Thiếu Ban	
7	11110710463	Nguyễn Thọ	Cảnh	15/10/88	7	6	6	6		7	7	5.6	Thiếu Ban	
8	DTK1151030185	Nguyễn Tiến	Cảnh	3/26/1993				B				0.0	Thiếu Ban	
9	DTK0851010077	Trần Văn	Chanh	8/5/1984	8	7	5	7	4	6		5.3	Thiếu Ban	
10	DTK1051010331	Nguyễn Văn	Chinh	30/09/92	8	5	5	5	7	6	6	6.0	Đạt	
11	DTK1051010092	Ngô Văn	Chức	7/21/1991				B				0.0	Thiếu Ban	
12	DTK1051010492	Lê Văn	Chung	8/23/1992				7				1.0	Thiếu Ban	
13	DTK1151010278	Nguyễn Văn	Chường	23/12/93				B				0.0	Thiếu Ban	
14	DTK1051060007	Nguyễn Thị	Chuyên	10/20/1992	8	7	7	6	6	7	8	7.0	Đạt	
15	11110710688	Nguyễn Hồng	Công	27/11/88	8	6	6	6		6	6	5.4	Thiếu Ban	
16	DTK0951010613	Nguyễn Huy	Công	2/25/1991	8	6	8	6	5	5	5	6.1	Đạt	
17	DTK0951010757	Lê Quốc	Công	25/04/91	7		8	7		6		4.0	Thiếu Ban	
18	11110710009	Nguyễn Quang	Cường	28/02/84				0			6	0.9	Thiếu Ban	
19	11110710011	Nguyễn Văn	Cường	5/4/1988	7	7	5	7		5	6	5.3	Thiếu Ban	
20	11110710616	Dương Văn	Cường	16/06/88	7	3	5	5		6	6	4.6	Thiếu Ban	

STT	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Tiện	Phay	CNC	Mài	Sửa chữa	Nguội	Hàn	Trung Bình	Xét	Ghi chú
21	DTK0851010224	Hạc Văn	Cường	15/12/90	5	B	0	B	B	9	7	3.0	Thiếu Ban	
22	DTK0951010161	Hà Hữu	Cường	14/10/91	B	8	7	B	3	8	6	4.6	Thiếu Ban	
23	DTK0951010238	Trần Văn	Cường	5/3/1991	6	7	3	6	4	5	7	5.4	Đạt	
24	DTK1051010329	Trần Duy	Cường	10/17/1992	7	7	2	7	4	6	7	5.7	Đạt	
25	DTK1051010489	Trần Văn	Cường	3/3/1992	8		5	B	B	6	6	3.6	Thiếu Ban	
26	DTK0851020252	Nguyễn Hồng	Đăng	30/04/90						B	B	0.0	Thiếu Ban	
27	11110710381	Phạm Hồng	Đào	1/9/1989	8	8	5	6		6	8	5.9	Thiếu Ban	
28	DTK1051010419	Trịnh Văn	Đạo	2/15/1991	B	B	B	3	6	6	6	3.0	Thiếu Ban	Chưa trả QA
29	DTK1051010101	Phạm Văn	Đạt	6/12/1991	8	8	3	4	4	6	7	5.7	Đạt	
30	DTK1051010021	Trương Văn	Điều	8/10/1992	6	6	7	7	3	5	7	5.9	Đạt	
31	DTK0951010692	Ngô Văn	Định	10/7/1990					7			1.0	Thiếu Ban	
32	DTK1051010734	Ngô Thượng	Doanh	11/9/1992	B							0.0	Thiếu Ban	
33	11110710380	Nguyễn Văn	Đông	26/09/89	7	7		6	4	5	7	5.1	Thiếu Ban	
34	DTK0951010242	Trịnh Văn	Đông	4/2/1988				8		8	6	3.1	Thiếu Ban	
35	DTK0951010542	Thân Văn	Đông	5/3/1990				b				0.0	Thiếu Ban	
36	DTK0951010543	Nguyễn Đăng	Đồng	26/10/90		7			4		6	2.4	Thiếu Ban	
37	DTK1051010656	Chu Huy	Du	12/12/1991	9	8	7	5	4	6	8	6.7	Đạt	
38	DTK0951010623	Lê Văn	Đủ	16/07/91	b					b	b	0.0	Thiếu Ban	
39	11110710384	Đào Duy	Đức	20/02/88	7	7	5	6		6	8	5.6	Thiếu Ban	
40	DTK0951010764	Trần Hữu	Đức	18/05/91	B					B		0.0	Thiếu Ban	
41	DTK1051010817	Trịnh Xuân	Đức	28/10/92		8						1.1	Thiếu Ban	
42	DTK1051020619	Bùi Anh	Đức	1/29/1992	B	B	B		B		B	0.0	Thiếu Ban	
43	DTK1151020177	Nguyễn Trung	Đức	2/5/1993	B	B		B	B	6	B	0.9	Thiếu Ban	
44	111051021	Lê Văn	Dũng	20/11/87	7	8	3	5		6	5	4.9	Thiếu Ban	
45	DTK0851010591	Tô Văn	Dũng	7/7/1990		7						1.0	Thiếu Ban	

STT	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Tiện	Phay	CNC	Mài	Sửa chữa	Nguội	Hàn	Trung Bình	Xét	Ghi chú
46	DTK0851060083	Trần Văn	Dũng	17/08/89	7	7	7	6	3	7	K	5.3	Thiếu Ban	
47	DTK0951010244	Phạm Ngọc	Dũng	13/01/89				0			0	0.0	Thiếu Ban	
48	DTK1051010015	Nguyễn Việt	Dũng	12/22/1992	8	7	8	7	5	6	7	6.9	Đạt	
49	DTK1051010096	Nguyễn Văn	Dũng	20/07/92	8	8	8	7	8	7	7	7.6	Đạt	
50	11110740166	Phạm Duy	Dương	21/11/88		B			B		B	0.0	Thiếu Ban	
51	DTK1051010014	Nguyễn Đăng	Dương	11/11/1992	8	7	8	7	4	6	6	6.6	Đạt	
52	DTK1051010094	Hoàng Đình	Dương	8/17/1992	6	5	6	8	8	6	6	6.4	Đạt	
53	DTK1051010733	Đoàn Văn	Dương	10/28/1992	8	6	4	7	7	6	6	6.3	Đạt	
54	DTK1051060008	Hứa Hoàng	Dương	7/27/1991	9	8	6	8	7	7	9	7.7	Đạt	
55	DTK0851010014	Nguyễn Văn	Giang	15/05/90						5		0.7	Thiếu Ban	
56	K125520201139	Nguyễn Trọng	Giang	24/09/94			b					0.0	Thiếu Ban	
57	DTK0951060160	Dương Mạnh	Hà	2/1/1991	8	6	7	6	4	6	6	6.1	Đạt	Chưa trả QA
58	DTK0951010173	Nguyễn Văn	Hải	3/16/1991	B							0.0	Thiếu Ban	
59	DTK0951010551	Trương Quốc	Hải	12/3/1987	6	7	7	7	4	5	6	6.0	Đạt	
60	DTK1051010185	Nguyễn Văn	Hải	9/5/1992				b				0.0	Thiếu Ban	
61	DTK1151010443	Trần Mạnh	Hải	20/04/91				b				0.0	Thiếu Ban	
62	DTK0951010552	Chu Thế	Hảo	24/04/91	7	6	3	7	7	5	6	5.9	Đạt	
63	DTK0851010320	Trương Văn	Hiển	1/10/1990	B	B	B	B	B	B	B	0.0	Thiếu Ban	
64	DTK0951010703	Nguyễn Đức	Hiển	3/10/1991					b			0.0	Thiếu Ban	
65	DTK1051010269	Nguyễn Thế	Hiển	11/9/1992	9	7	7	8	8	6	7	7.4	Đạt	
66	DTK1051010589	Bùi Phó	Hiển	11/22/1992	7	7	8	7	8	6	6	7.0	Đạt	
67	DTK1051010029	Giáp Văn	Hiệp	28/09/91	8	7	6	8	6	8	7	7.1	Đạt	
68	DTK1051010749	Đào Văn	Hiệp	16/07/91	7	8	8	7	6	6	7	7.0	Đạt	
69	11110710328	Nguyễn Trung	Hiếu	20/08/89	7	3	0	B	3	B	7	2.9	Thiếu Ban	
70	11511012009	Trương Văn	Hiếu	23/08/89	7	5		B				1.7	Thiếu Ban	

STT	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Tiện	Phay	CNC	Mài	Sửa chữa	Nguội	Hàn	Trung Bình	Xét	Ghi chú
71	11110760085	Lương Văn	Hoàng	9/2/1989						6		0.9	Thiếu Ban	
72	DTK0951010026	Nguyễn Xuân	Hoàng	15/05/90	6	5	4	8	3	6	7	5.6	Đạt	
73	DTK1151020254	Lê Văn	Hoàng	24/06/93	b							0.0	Thiếu Ban	
74	11110710097	Nguyễn Văn	Hùng	5/12/1988						2	6	1.1	Thiếu Ban	
75	DTK0851010243	Trịnh Văn	Hùng	16/05/90	8	4	8	B	5	5	6	5.1	Thiếu Ban	
76	DTK1051010109	Trần Văn	Hùng	5/7/1992	8	6	7	6	5	6	7	6.4	Đạt	
77	11110710484	Lê Văn	Hưng	19/06/89	8	8		5	5	6	7	5.6	Thiếu Ban	
78	DTK1051010272	Dương Quốc	Hưng	3/6/1992			8	B	5	5	7	3.6	Thiếu Ban	
79	DTK1151010347	Phạm Văn	Hưng	5/5/1993					5	B	B	0.7	Thiếu Ban	
80	DTK0951010103	Hoàng Văn	Hữu	29/05/90	3	7	7	7	3	6	6	5.6	Đạt	
81	11110710106	Đỗ Quốc	Huy	3/1/1989	6	7	7	7	6		7	5.7	Thiếu Ban	
82	DTK1051010596	Trần Quang	Huy	10/4/1992	7	7	5	6	7	6	7	6.4	Đạt	
83	K125520103083	Nguyễn Công	Huy	26/11/94			b					0.0	Thiếu Ban	
84	DTK0951010561	Vũ Nhật	Hỷ	26/07/91			6			5		1.6	Thiếu Ban	
85	DTK1051010274	Nguyễn Văn	Hỷ	28/11/92	8	8	8	7	5	7	7	7.1	Đạt	
86	11110710108	Lê Văn	Khánh	15/04/89	6	7	0	6	B	B	B	2.7	Thiếu Ban	
87	DTK0951010108	Vũ Duy	Khoa	1/13/1991	7							1.0	Thiếu Ban	
88	DTK0951010262	Nguyễn Văn	Khoa	8/27/1990	B	B	B	B	B	6	6	1.7	Thiếu Ban	
89	DTK0951010484	Trần Văn	Khoa	6/11/1991						6		0.9	Thiếu Ban	
90	DTK0951060178	Hoàng Văn	Khu	7/26/1990	7	5	6	6	7	6	7	6.3	Đạt	
91	DTK0951060110	Đào Trung	Kiên	2/5/1991	6	0	4	8		6	5	4.1	Thiếu Ban	
92	DTK1051020550	Nguyễn Trung	Kiên	5/24/1992				B				0.0	Thiếu Ban	Chưa trả QA
93	DTK0851010693	Đặng Văn	Lâm	12/9/1990							3	0.4	Thiếu Ban	
94	DTK0851010031	Phạm Tuấn	Linh	12/8/1990					B		B	0.0	Thiếu Ban	
95	DTK1051010121	Nguyễn Mạnh	Linh	30/05/92	8	7	6	4	4	6	7	6.0	Đạt	

STT	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Tiện	Phay	CNC	Mài	Sửa chữa	Nguội	Hàn	Trung Bình	Xét	Ghi chú
96	DTK1051060020	Trần Diệu	Linh	19/05/92	8	8	7	8	7	7	8	7.6	Đạt	
97	DTK1051010904	Lê Văn	Lộc	3/9/1991	8	8	7	4	4	7	7	6.4	Đạt	
98	DTK1051010904	Lê Văn	Lộc	9/3/1991	B							0.0	Thiếu Ban	
99	11110710559	Dương Văn	Long	8/3/1988	4	3		7		4	6	3.4	Thiếu Ban	
100	DTK0851010695	Trần Thanh	Long	19/10/90		0		0	0	7		1.0	Thiếu Ban	
101	DTK0951010343	Hoàng Thăng	Long	3/8/1991	5	8	7	B	6	6	5	5.3	Thiếu Ban	
102	DTK0951010781	Nguyễn Đức	Long	15/08/91	8	8	7	7	5	9	6	7.1	Đạt	
103	DTK1051010441	Đoàn Văn	Long	27/05/91	7	7	5	7	8	5	8	6.7	Đạt	
104	DTK1051010362	Nguyễn Văn	Luân	8/12/1992	8	7	8	6	6	6	7	6.9	Đạt	
105	DTK0951010782	Ngô Tiến	Luận	16/10/90	7	6	7	7	8	5	7	6.7	Đạt	
106	DTK0951020462	Võ Đức	Luận	18/05/91		3						0.4	Thiếu Ban	
107	11110710341	Đỗ Văn	Lương	20/11/89	7	8	7	6		6	8	6.0	Thiếu Ban	Chưa trả QA
108	1111061195	Lê Nguyên	Lượng	5/3/1988	8	B	5	B	B	B	B	1.9	Thiếu Ban	
109	DTK0851060016	Đỗ Văn	Mạnh	1/11/1990	7		3	6	5	5	8	4.9	Thiếu Ban	
110	DTK0951010266	Ngô Văn	Mạnh	3/5/1990	8	7	6	8	8	7	8	7.4	Đạt	
111	DTK0951020246	Trương Đức	Mạnh	14/11/91						B		0.0	Thiếu Ban	
112	DTK1051010892	Phạm Minh	Mạnh	8/8/1986	7	8	3	5	5	6	7	5.9	Đạt	
113	DTK1051010444	Chu Văn	Minh	16/07/92				b				0.0	Thiếu Ban	
114	DTK0951010189	Dương Văn	Mỹ	22/10/91	8	8	8	7	6	7	7	7.3	Đạt	
115	DTK1051010285	Bùi Đăng	Nam	25/01/91	8	6.5	8	8	8	6	8	7.5	Đạt	
116	DTK1051010764	Đặng Quang	Nam	7/5/1992	7	8	7	7	6	7	7	7.0	Đạt	
117	DTK1051010367	Nguyễn Tuấn	Nghĩa	1/3/1991	6	6	8	7	5	6	6	6.3	Đạt	
118	DTK0851010405	Hà Tuấn	Nghiệp	26/11/88	8	8	7	7	5	7	B	6.0	Thiếu Ban	
119	11110710648	Nguyễn Hữu	Ngọc	6/8/1989	6		2	6	3	4	5	3.7	Thiếu Ban	
120	DTK0951010418	Chu Văn	Ngọc	20/11/91	5	6			3	5		2.7	Thiếu Ban	

STT	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Tiện	Phay	CNC	Mài	Sửa chữa	Nguội	Hàn	Trung Bình	Xét	Ghi chú
121	DTK1051010767	Phạm Văn	Nguyên	12/10/1992	9	6	7	7	6	5	6	6.6	Đạt	
122	DTK1051010915	Nguyễn Đình	Nhật	9/2/1991	5	8	5	8	5	7	7	6.4	Đạt	
123	DTK0851010262	Phan Thanh	Phong	3/1/1990	B	B	0	B	B	B	B	0.0	Thiếu Ban	Chưa trả QA
124	DTK1051010529	Phan Cao	Phúc	4/2/1992	6	7	7	8	6	7	7	6.9	Đạt	Chưa trả QA
125	DTK1151020204	Vũ Quang	Phúc	1/21/1993	B	B	B	B	B	B	B	0.0	Thiếu Ban	
126	DTK0951010499	Nguyễn Văn	Phương	10/1/1991		7			7	5	7	3.7	Thiếu Ban	
127	DTK1051010048	Lương Văn	Phương	3/12/1991	8	6	7	7	6	7	7	6.9	Đạt	
128	DTK1051010129	Nguyễn Duy	Phương	20/07/92	8	7	6	4	4	6	7	6.0	Đạt	
129	DTK1051010844	Đào Trọng	Phương	5/1/1992	6	6	6	7	8	5	7	6.4	Đạt	
130	11110710273	Bùi Văn	Quân	7/11/1988	7	8		6	5	6	5	5.3	Thiếu Ban	
131	DTK0851010410	Hoàng Văn	Quân	2/11/1989	7	6	7	6	5	6	6	6.1	Đạt	
132	DTK1051010290	Vũ Mạnh	Quân	7/12/1990		5.5						0.8	Thiếu Ban	
133	DTK1051010291	Nông Bảo	Quốc	28/08/91	7	6	6	7	5	5	7	6.1	Đạt	
134	11110710358	Nguyễn Văn	Quý	13/09/88	8	8	7	6		7	7	6.1	Thiếu Ban	
135	DTK1051010452	Bùi Quang	Quyền	6/12/1992	8	b	7	6	b	6	6	4.7	Thiếu Ban	
136	DTK0951010057	Phùng Công	Quyết	16/11/90	8	7	6	7	5	7	8	6.9	Đạt	
137	DTK1051010612	Trần Văn	Quyết	22/08/92	9	5	7	9	6	7	7	7.1	Đạt	
138	DTK0951010430	Nguyễn Văn	Sáng	4/14/1990		7	5	7	5	5	7	5.1	Thiếu Ban	
139	DTK1051010694	Trần Văn	Sanh	19/08/92	B	B	B	B	B	B	B	0.0	Thiếu Ban	
140	DTK0851010050	Vũ Trí	Sinh	28/08/90	B	B	0	B	B	B	B	0.0	Thiếu Ban	
141	11110710425	Nguyễn Xuân	Sơn	20/01/88	8	8	5	4		6	7	5.4	Thiếu Ban	
142	11110710427	Hoàng Minh	Sơn	10/4/1988	7	6	6	6		6	7	5.4	Thiếu Ban	
143	DTK0951010282	Nguyễn Công	Sơn	26/11/91	6	5	3	6	4	4	6	4.9	Đạt	
144	DTK0951010282	Nguyễn Công	Sơn	26/11/91				6				0.9	Thiếu Ban	
145	11110710509	Nguyễn Văn	Sức	2/2/1989	5	6	5	7	B	B	B	3.3	Thiếu Ban	

STT	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Tiện	Phay	CNC	Mài	Sửa chữa	Nguội	Hàn	Trung Bình	Xét	Ghi chú
146	DTK1051010377	Nguyễn Đức	Tài	6/3/1992	7	8	6	6	5	6	7	6.4	Đạt	Chưa trả QA
147	DTK1051010296	Trần Văn	Tâm	28/11/92	8	8	7	8	6	7	7	7.3	Đạt	
148	DTK1151020039	Lê Văn	Tâm	5/11/1993		b					b	0.0	Thiếu Ban	
149	11110710051	Nguyễn Danh	Tân	27/07/89	6	7		6	5	6	8	5.4	Thiếu Ban	
150	DTK0951010058	Nguyễn Hữu	Tân	8/11/1991		5		7		7	6	3.6	Thiếu Ban	
151	DTK0951010431	Lê Văn	Tân	26/08/91			7					1.0	Thiếu Ban	
152	DTK0951060131	Đỗ Văn	Tân	11/7/1991	7	7	3	8	4	6	8	6.1	Đạt	Chưa trả QA
153	11110710431	Nguyễn Anh	Tạo	30/04/88	7	7	6	6		7	7	5.7	Thiếu Ban	
154	DTK0851060066	Hoàng Anh	Thái	8/2/1989				B		B		0.0	Thiếu Ban	
155	DTK1051010459	Hà Công	Thân	15/09/92	8	b	8	9	b	7	8	5.7	Thiếu Ban	
156	11110710209	Nguyễn Thường	Thắng	4/6/1988	7	8	8	5	5	B	7	5.7	Thiếu Ban	
157	DTK0851010707	Hòa Quang	Thắng	21/05/90			7					1.0	Thiếu Ban	
158	DTK0851010707	Hòa Quang	Thắng	21/05/90	6	9		4	5	7	7	5.4	Thiếu Ban	
159	DTK0951010212	Chu Minh	Thắng	26/08/91					3			0.4	Thiếu Ban	
160	DTK0851010202	Phan Hoàng	Thành	14/02/88	K	k	0	K	K	K	K	0.0	Thiếu Ban	
161	DTK0851010203	Đỗ Công	Thành	1/5/1990	6		3	7	6	6	6	4.9	Thiếu Ban	
162	DTK1051010221	Nguyễn Đình	Thành	24/10/92	6	8	6	4	5	6	7	6.0	Đạt	
163	DTK1051010540	Vũ Văn	Thành	3/2/1992	9	7	4	6	5	7	7	6.4	Đạt	
164	DTK1051010700	Nguyễn Văn	Thành	3/12/1992	7	8	5	6	5	6	7	6.3	Đạt	
165	DTK1051010702	Tổng Văn	Thao	10/3/1992	8	8	8	7	5	7	8	7.3	Đạt	
166	DTK1151010694	Nguyễn Văn	Thao	21/01/93	B							0.0	Thiếu Ban	
167	DTK0951030053	Đào Phương	Thảo	9/10/1990			0					0.0	Thiếu Ban	
168	11110710438	Đỗ Văn	Thiệt	2/9/1988	6	4	6	5		5	6	4.6	Thiếu Ban	
169	DTK1051010860	Nguyễn Hữu	Thịnh	29/03/92		8	7	8	6		6	5.0	Thiếu Ban	
170	DTK0951010216	Giáp Đức	Thọ	3/8/1991	0						0	0.0	Thiếu Ban	

STT	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Tiện	Phay	CNC	Mài	Sửa chữa	Nguội	Hàn	Trung Bình	Xét	Ghi chú
171	DTK0951010804	Lê Đức	Thọ	2/15/1991		B	B		B	6	B	0.9	Thiếu Ban	
172	DTK0951010662	Trần Văn	Thời	21/07/91		B	5	7	0	8	6	3.7	Thiếu Ban	
173	11110710732	Phan Hoàng	Thư	20/10/89	8		5	6	5	6	7	5.3	Thiếu Ban	
174	11110710287	Trần Văn	Thuấn	29/08/88	6	8		6	3	6	8	5.3	Thiếu Ban	
175	11110710283	Nguyễn Xuân	Thường	6/1/1988	7	8		6	6	7	6	5.7	Thiếu Ban	
176	DTK1051010464	Ma Văn	Thùy	9/2/1992	8	6	8	7	5	7	7	6.9	Đạt	
177	11110710292	Trần Hữu	Tiếp	3/5/1989	7	8		6	3	7	6	5.3	Thiếu Ban	
178	DTK0951010746	Trần Mạnh	Tín	5/15/1990	7	8	6	8	3	6	8	6.6	Đạt	
179	DTK1051010070	Đào Văn	Tinh	3/28/1992	8	7	5	7	6	6	6	6.4	Đạt	
180	11110710446	Lê Huy	Toàn	2/9/1987	7	8	6	5		5	7	5.4	Thiếu Ban	
181	DTK0851020150	Nguyễn Thanh	Toàn	7/6/1990		7						1.0	Thiếu Ban	
182	DTK0951010144	Nguyễn Bá	Toàn	2/16/1991	6							0.9	Thiếu Ban	
183	DTK0951010811	Phạm Đức	Toàn	4/9/1990	8	6	7	8	5	7	7	6.9	Đạt	Chưa trả QA
184	11110710372	Trần Văn	Toàn	5/5/1989	6	8	6	7		6	7	5.7	Thiếu Ban	
185	11110710443	Mã Văn	Tới	5/5/1988	8	6	6	5		6	7	5.4	Thiếu Ban	
186	DTK1051010137	Phùng Lin	Ton	13/12/92	B					B	B	0.0	Thiếu Ban	
187	11110760065	Ngô Văn	Trọng	3/3/1989	DTT	K	0	B	K	K	K	0.0	Thiếu Ban	
188	DTK0851010646	Tạ Đình	Trúc	2/4/1988	6	7		4	5	6	7	5.0	Thiếu Ban	
189	11110710297	Ngô Quang	Trung	22/04/86	7	7		7	3	7	7	5.4	Thiếu Ban	
190	11110710594	Đỗ Quang	Trung	2/8/1989	7	4	B	5	4	7	B	3.9	Thiếu Ban	
191	DTK0851010504	Phạm Tài	Trung	11/7/1990	K	K	K	K	K	K	K	0.0	Thiếu Ban	
192	DTK0951010147	Phạm Văn	Trung	1/12/1991	7	7	7	8	5	6	7	6.7	Đạt	
193	DTK0951010589	Hoàng Văn	Trung	8/2/1991	7	7	5	6	6	6	5	6.0	Đạt	Chưa trả QA
194	DTK0951010749	Nguyễn Thành	Trung	30/07/91	7	6	8	7	4	4	6	6.0	Đạt	
195	DTK1051010473	Nguyễn Đình	Trung	13/05/92	b							0.0	Thiếu Ban	

STT	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Tiện	Phay	CNC	Mài	Sửa chữa	Nguội	Hàn	Trung Bình	Xét	Ghi chú
196	1111060223	Vũ Xuân	Trường	4/8/1988	7	8		6	4	7	7	5.6	Thiếu Ban	
197	DTK0951010064	Dương Thế	Trường	7/11/1991	8	7	7	8	7	7	7	7.3	Đạt	
198	DTK0951020066	Vũ Văn	Tuân	19/05/91	B	B	B		5	7	B	1.7	Thiếu Ban	Chưa trả QA
199	DTK1051010474	Lương Trọng	Tuân	12/9/1991		6		7	6		6	3.6	Thiếu Ban	
200	DTK1051010554	Hà Viết	Tuân	21/12/91	7	6	6	5	6	6	6	6.0	Đạt	Chưa trả QA
201	11110710225	Đặng Văn	Tuấn	30/12/88	6	8	6	6	7	5	6	6.3	Đạt	
202	DTK0951060059	Khảm Văn	Tuấn	7/12/1991	b	b	b	b	b	b	b	0.0	Thiếu Ban	
203	DTK1051010157	Nguyễn Minh	Tuấn	2/1/1989	7	8	7	5	7	6	7	6.7	Đạt	
204	DTK1051010475	Nguyễn Duy	Tuấn	20/10/92	6	6	5	4	4	7	8	5.7	Đạt	
205	DTK1051010476	Nguyễn Văn	Tuấn	11/26/1992	8	7	4	6	5	7	6	6.1	Đạt	
206	DTK1051020161	Nguyễn Anh	Tuấn	11/1/1992							B	0.0	Thiếu Ban	
207	DTK1151010376	Nguyễn Anh	Tuấn	27/07/93	8	6	8	8	5	6	8	7.0	Đạt	
208	DTK1151030312	Hoàng Minh	Tuấn	9/21/1992		B						0.0	Thiếu Ban	
209	11110710288	Thân Thanh	Tùng	27/07/89	6	5	4	6			7	4.0	Thiếu Ban	
210	11110740043	Bùi Thanh	Tùng	28/02/88	B	B				B	B	0.0	Thiếu Ban	
211	DTK0851010130	Lưu Quốc	Tùng	7/2/1990	B	B	0	H HE	B	B	B	0.0	Thiếu Ban	
212	DTK0951010071	Phạm Thanh	Tùng	6/28/1991	B							0.0	Thiếu Ban	
213	DTK0951060050	Chu Bá	Tùng	7/1/1990	4	B		B	B	7	B	1.6	Thiếu Ban	
214	DTK0951060061	Nguyễn Quang	Tùng	23/07/91	7	7	8	8	9	7	8	7.7	Đạt	
215	DTK1051010545	Nguyễn Thanh	Tùng	6/7/1992	7	8	8	8	4	6	7	6.9	Đạt	
216	DTK1051060031	Nguyễn Mạnh	Tùng	8/8/1991	6	8	6	8	5	6	8	6.7	Đạt	Chưa trả QA
217	DTK1051060032	Đồng Sơn	Tùng	6/5/1992	8	7	7	7	6	7	8	7.1	Đạt	
218	11110710141	Bùi Văn	Tước	18/06/89	8	5				6		2.7	Thiếu Ban	
219	11110710052	Nguyễn Văn	Tường	8/5/1986	7	8		6	4	7	8	5.7	Thiếu Ban	
220	DTK0951010754	Nguyễn Văn	Tuyên	27/04/91	6	7	B	7	7	6	6	5.6	Thiếu Ban	

STT	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Tiện	Phay	CNC	Mài	Sửa chữa	Nguội	Hàn	Trung Bình	Xét	Ghi chú
221	DTK1051010160	Trần Văn	Việt	18/07/92	8	B	B	B	B	2	B	1.4	Thiếu Ban	
222	11110710304	Nguyễn Văn	Vinh	15/09/89	K	7	K	5	K	K	K	1.7	Thiếu Ban	
223	11110710600	Phan Văn	Vinh	28/02/89	7	B	B	5	3	6	7	4.0	Thiếu Ban	
224	DTK0851020468	Hoàng Thái	Vinh	7/18/1990						B	B	0.0	Thiếu Ban	
225	DTK0951020142	Lưu Thế	Vinh	10/6/1991					0			0.0	Thiếu Ban	
226	DTK0951010073	Lưu Quang	Vũ	24/09/91	8	8	5	8	b	6	7	6.0	Đạt	
227	DTK1051010080	Dương Trọng	Vũ	22/09/92	B	6	4	7	7	5	7	5.1	Thiếu Ban	
228	DTK1051010321	Lê Duy	Vũ	4/5/1991	9	8	7	8	6	6	7	7.3	Đạt	
229	DTK1051030141	Nguyễn Tuấn	Vũ	4/30/1992			2					0.3	Thiếu Ban	

Ấn định danh sách: 229 SV